



# INSURANCE

## ***Chương 3: Bảo hiểm***

***(tiếp)***



# Nội dung nghiên cứu:

## A. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ BẢO HIỂM

- Khái niệm về Bảo hiểm ▶
- Đặc điểm của Bảo hiểm ▶
- Phân loại ▶
- Vai trò ▶
- Các nguyên tắc quản lý Bảo hiểm ▶

## B. BẢO HIỂM KINH DOANH

- Khái niệm ▶
- Phân loại ▶
- Nguồn hình thành quỹ Bảo hiểm ▶
- Phân phối và sử dụng quỹ bảo hiểm ▶
- Danh mục đầu tư của các công ty Bảo hiểm ▶



# Thuật ngữ cần chú ý

**Bảo hiểm**

**hoàn trả có điều kiện**

**Rủi ro**

**BH và không BH**

**được, không được BH**

**Đối tượng bảo hiểm**

**Các bên trong HĐ BH**

**Bên bán**

**Bên mua**

**Bên thứ ba**

**A và V**

**Phí và tỷ lệ phí BH**

**Bảo hiểm đặc biệt**

**Tái bảo hiểm**

**Đồng bảo hiểm**

**Bảo hiểm trùng**

**Các chế độ bồi thường**

**Tổn thất**

**Toàn bộ và bộ phận**

**Chung và riêng**



# Thuật ngữ cần chú ý (Cont'd)

**Nguyên tắc bảo hiểm**

**Chỉ chấp nhận rủi ro BH**

**Tương xứng**

**Bồi thường vừa đủ**

**Đồng trách nhiệm**

**Thế quyền**

**Quy luật “Lấy số đông bù số ít”**

**Nguyên tắc “Trung thực tuyệt đối”**

**Phân loại bảo hiểm**

**Theo đối tượng bảo hiểm**

**Theo tính chất của BH**

**Theo tính chất bắt buộc của bảo hiểm**

**Theo cơ sở pháp lý của bảo hiểm**

**Theo những căn cứ khác**



# Các thuật ngữ cơ bản trong bảo hiểm.

1. Người bảo hiểm (insurer) : là người nhận được nhận phí BH và phải có trách nhiệm bồi thường tổn thất khi rủi ro xảy ra.
2. Người được bảo hiểm (insured) : là người phải đóng phí bảo hiểm. Khi rủi ro xảy ra, và có thiệt hại sẽ được người BH bồi thường tổn thất.
3. Đối tượng bảo hiểm (subject matter insured/object of insurance) : là tài sản hoặc lợi ích mang ra BH. Đối tượng bảo hiểm có thể là tài sản, con người hoặc trách nhiệm đối với người thứ ba.
4. Rủi ro (risk): là những sự kiện bất lợi xảy ra nằm ngoài mong muốn của con người và gây ra thiệt hại tài chính.



# Các thuật ngữ cơ bản trong bảo hiểm.

5. **Sự kiện (biến cố) bảo hiểm (event):** *là sự kiện có các rủi ro đã thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm xảy ra và gây ra tổn thất cho đối tượng bảo hiểm.*
6. **Giá trị bảo hiểm (insured value) :** *khái niệm này chỉ dành cho tài sản. Nó là giá trị của tài sản đem ra BH.*
7. **Số tiền bảo hiểm (amount assured):** *là giới hạn bồi thường tối đa mà công ty Bảo hiểm chấp nhận chi trả cho một vụ tổn thất. Và không bao giờ bồi thường vượt quá tổn thất thực tế.*



# Các thuật ngữ cơ bản trong bảo hiểm.

8. **Phí bảo hiểm** (premium): *Là số tiền người mua bảo hiểm đóng góp cho công ty bảo hiểm.*
9. **Tỷ lệ phí bảo hiểm** (Premium ratio): *là tỷ lệ số phí bảo hiểm phải đóng trên 100 đồng bảo hiểm.*
10. **Mức miễn thường:** *“Là giới hạn mà nếu giá trị thiệt hại nhỏ hơn giới hạn đó thì công ty BH không có trách nhiệm bồi thường”.*



# Các thuật ngữ cơ bản trong bảo hiểm.

11. **Đồng bảo hiểm (co-insurance):** *“Là việc từ hai công ty bảo hiểm trở lên liên kết với nhau cùng bảo hiểm cho một đối tượng”.*
12. **Bảo hiểm trùng (double insurance):** *“Là hiện tượng trong bảo hiểm tài sản, trong đó một tài sản được bảo hiểm theo nhiều hợp đồng với tổng số tiền bảo hiểm lớn hơn giá trị bảo hiểm”.*
13. **Tái bảo hiểm (reinsurance) :**  
*“Là việc từ một công ty BH (cty BH gốc) chuyển giao một phần số phí BH thu được cho cty BH khác (cty tái BH)”.*  
*Tái BH không phải là tái tục hợp đồng BH.*





# I. Khái niệm bảo hiểm

## 1. Định nghĩa bảo hiểm:

Xét theo phương diện pháp lý:

*“Bảo hiểm là cam kết của người bảo hiểm rằng sẽ đền bù cho người được bảo hiểm về những tổn thất xảy ra đối với đối tượng bảo hiểm do rủi ro đã thỏa thuận gây ra với điều kiện là người được bảo hiểm phải nộp phí bảo hiểm cho người bảo hiểm”.*

Xét trên phương diện tài chính:

*“Bảo hiểm là một phạm trù tài chính gắn liền với quá trình hình thành, phân phối và sử dụng quỹ bảo hiểm”.*



# I. Khái niệm bảo hiểm

**Định nghĩa bảo hiểm:**

**Tóm lại:**

*“Bảo hiểm là phương thức xử lý các rủi ro, các sự kiện bảo hiểm, nó phản ánh các quan hệ tài chính phát sinh trong quá trình hình thành, phân phối và sử dụng quỹ bảo hiểm, nhằm đảm bảo cho quá trình tái sản xuất và đời sống của xã hội diễn ra bình thường”.*



## **II. Đặc điểm của bảo hiểm**

- 1. BH là dịch vụ tài chính đặc biệt:**
- 2. BH mang tính bồi thường có điều kiện.**
- 3. BH chỉ hoạt động được trên cơ sở quy luật số đông.**



# III. Phân loại

1. Căn cứ vào đối tượng BH, có các hình thức:
  - Bảo hiểm con người (*life insurance*)
  - Bảo hiểm tài sản (*property insurance*)
  - Bảo hiểm trách nhiệm dân sự  
(*civil liability insurance /public-liability insurance*)
2. Căn cứ vào mục đích hoạt động của các tổ chức quản lý quỹ BH, có:
  - Bảo hiểm có mục đích kinh doanh
  - Bảo hiểm không có mục đích kinh doanh.
3. Theo phương thức xử lý rủi ro, có:
  - Các hoạt động tự bảo hiểm
  - Hoạt động chuyển giao, phân tán rủi ro



## IV. Vai trò của bảo hiểm:

- 1. Bảo hiểm góp phần bảo toàn vốn kinh doanh và ổn định đời sống của người tham gia bảo hiểm.*
- 2. Bảo hiểm góp phần phòng tránh, hạn chế tổn thất, đảm bảo an toàn cho SX và đời sống.*
- 3. Bảo hiểm góp phần cung ứng vốn cho phát triển kinh tế - xã hội*



## V. Các nguyên tắc quản lý bảo hiểm

1. Chỉ chấp nhận bảo hiểm có mức rủi ro vừa phải.
2. Xác định “phí bảo hiểm” phải trên cơ sở “giá” của các rủi ro.
3. Thận trọng.
4. Lấy số đông bù số ít.
5. Tiền bồi hoàn bảo hiểm không phải là tiền làm giàu (tránh việc trục lợi bất chính) và số tiền bồi thường không vượt quá giá trị bảo hiểm.
6. Nguyên tắc “thế quyền đòi bồi thường người thứ ba” cho công ty bảo hiểm.





## B. BẢO HIỂM KINHDOANH

### I. Khái niệm:

*Bảo hiểm kinh doanh là phương thức hoạt động KD của các tổ chức BH nhằm mục đích thu lợi nhuận dựa trên cơ sở các hợp đồng bảo hiểm.*

### II. Loại hình công ty bảo hiểm kinh doanh

1. Công ty bảo hiểm nhân thọ
2. Công ty bảo hiểm tài sản và TNDS



## II. Loại hình công ty bảo hiểm kinh doanh

### 1. Các công ty bảo hiểm nhân thọ:

*Các loại hợp đồng bảo hiểm do công ty BHNT cung cấp sẽ bảo vệ tài chính cho bản thân hoặc thân nhân của người có hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.*

*Có 2 loại hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, gồm:*

- \* Hợp hồng kỳ hạn.*
- \* Hợp đồng trọn đời*





# 1. Các công ty bảo hiểm nhân thọ:

## ❖ Hợp đồng bảo hiểm kỳ hạn:

*Người có hợp đồng loại này sẽ nhận được nguồn tài chính từ công ty bảo hiểm tùy theo giá trị hợp đồng cho tới khi hợp đồng hết hạn.*

*Nếu hợp đồng chưa hết hạn mà người đó gặp rủi ro thì bản thân hoặc thân nhân người đó cũng sẽ được cung cấp tài chính tùy theo giá trị hợp đồng và mức độ rủi ro mà họ gặp phải.*



# 1. Các công ty bảo hiểm nhân thọ:

## ❖ Hợp đồng bảo hiểm trọn đời:

*Người có hợp đồng loại này sẽ được cung cấp một khoản thu nhập từ khi nghỉ hưu hoặc mất sức lao động cho đến hết đời.*

*Trường hợp người đó chết thì thân nhân của họ cũng được trợ cấp một khoản tiền tùy theo giá trị hợp đồng bảo hiểm.*



## 2. Các công ty bảo hiểm tài sản và TNDS:

*Các công ty loại này là “bách hóa tổng hợp” với phạm vi bảo hiểm rộng lớn và phổ biến.*

*Các công ty loại này gặp khó khăn hơn trong dự đoán mức và thời điểm bồi thường của các hợp đồng bảo hiểm trong tương lai so với các cty BHNT.*



### III. Nguồn hình thành quỹ bảo hiểm

1. **Vốn tự có:** *là bộ phận vốn chủ sở hữu của các công ty BH.*
2. **Phí bảo hiểm** thu từ các hợp đồng bảo hiểm.
3. **Thu nhập từ hoạt động đầu tư**
4. **Các khoản thu khác:** *như thu từ dịch vụ giám định, xét bồi thường, đầu tư bảo lãnh...*



## IV. Phân phối & sử dụng quỹ bảo hiểm

1. **Ký quỹ tại ngân hàng.** *Tại Việt Nam yêu cầu 3%  $\Rightarrow$  5%.*
2. **Lập quỹ dự trữ bắt buộc.** *Trích 5% lợi nhuận ròng nhưng phải nhỏ hơn 10% vốn điều lệ*
3. **Chi trả, bồi thường cho khách hàng.**
4. **Lập quỹ dự phòng nghiệp vụ.** *Quỹ này dự phòng cho việc giảm giá các danh mục đầu tư. Chỉ đầu tư từ quỹ dự phòng nghiệp vụ theo danh mục quy định.*
5. **Nghĩa vụ với NSNN.**
6. **Phân chia lợi nhuận.**



## V. Danh mục đầu tư của các cty BHKD

### \* Yêu cầu:

*Phải đảm bảo an toàn về mặt tài chính*

*Phải đảm bảo khả năng sinh lời cao (sinh lời cao → phí BH giảm, cty thêm uy tín).*

*Phải đảm bảo khả năng thanh khoản*

### \* Nguyên tắc:

*Chỉ đầu tư từ quỹ dự phòng nghiệp vụ theo danh mục quy định.*

*Phân chia rủi ro trong đầu tư (đang dạng hóa danh mục đầu tư).*



## V. Danh mục đầu tư của các cty BHKD

### 1. Trái phiếu Chính phủ:

*Tính “lỏng” và độ an toàn cao.*

*Tỷ trọng của loại này trong tổng tài sản ở cty BH TS & TNDS cao hơn ở cty BHNT.*

### 2. Chứng khoán công ty (trái phiếu & cổ phiếu).

### 3. Cho vay thế chấp thương mại.

### 4. Đầu tư trực tiếp vào BĐS.

### 5. Các khoản tiền gửi vào ngân hàng.